

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2017

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đoàn Kiều Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Bùi Văn Tàn**

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đặng Thị Thúy Hoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: **Ông Lương Văn Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2017/TLST- HN&GD ngày 24 tháng 8 năm 2017 về việc: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Ngô Thị V, sinh năm 1982;**

2. Bị đơn: **Anh Lê Thanh T, sinh năm 1978;**

Đều có nơi cư trú: xóm Tây A, thôn Trung A, xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 24/8/2017, lời trình bày tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 12 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc và sinh được hai con chung. Mặc dù trong cuộc sống hàng ngày, cũng có nhiều lúc giữa anh chị có xảy ra cãi vã, lời qua tiếng lại nhưng rồi mọi việc cũng qua và cuộc sống vợ chồng bình thường trở lại. Tuy nhiên, thời gian gần đây, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xung đột làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt. Nguyên nhân là do quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không còn hạnh

phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Thanh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, giữa chị và anh T có 02 con chung: cháu lớn tên là Lê Thanh Thanh Q, sinh ngày 16/6/2005 và cháu nhỏ tên là Lê Thị Kiều N, sinh ngày 08/8/2007. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nhận nuôi cả hai con chung và chị yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả hai con, mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi. Chị yêu cầu nhận nuôi cả hai con chung vì chị cho rằng bản thân chị có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con, cụ thể:

+ Về công việc và thu nhập: hiện chị đang làm nhân viên nấu ăn tại Công ty Hào Hưng, địa chỉ: xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi. Thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng (trong đó: lương cố định là 4.000.000đ và thu nhập từ bán nước giải khát tại Công ty khoảng 2.000.000đ);

+ Về điều kiện chỗ ở: hiện chị đang ở nhà riêng của vợ chồng được xây trên đất của cha mẹ chồng. Sau khi ly hôn, chị sẽ chuyển về ở chung với cha mẹ đẻ chị tại xã Bình C, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi. Gia đình cha mẹ chị có điều kiện về chỗ ở và cha mẹ tạo điều kiện để chị nuôi cả hai con;

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa chị và anh T không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai, các buổi hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh thống nhất như lời trình bày của chị V về việc anh chị có tự nguyện tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Thạnh vào ngày 28/12/2014.

Mâu thuẫn giữa anh chị phát sinh đã hơn mười năm nhưng vì các con còn nhỏ nên anh có gắng chịu đựng để nuôi dạy các con trưởng thành. Tuy nhiên, thời gian gần đây, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do chị V nhiều lần hỗn láo với cha mẹ chồng, ghen tuông không có căn cứ và nghi kỵ anh đủ điều. Cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột, bất đồng quan điểm. Mặc dù bản thân anh và chị V đã cố gắng nhưng không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể khắc phục được. Vì vậy, việc chị V yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị V có hai con chung như chị V trình bày. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nhận nuôi cả hai con chung, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị V không đồng ý giao cả hai con cho anh nuôi thì anh yêu cầu được nhận nuôi cháu Lê Thanh Thanh Q, giao cháu Lê Thị Kiều N cho chị V nhận nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con. Anh yêu cầu nhận nuôi con vì bản thân anh có điều kiện, chăm sóc nuôi dưỡng con chung, cụ thể:

+ Về công việc và thu nhập: Hiện anh đang làm nghề lái xe, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đ/tháng.

+ Về điều kiện chỗ ở: Hiện anh đang ở tại ngôi nhà là tài sản chung của vợ chồng, được xây trên đất của ông bà anh tại thôn Trung A, xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi ly hôn anh vẫn tiếp tục sinh sống tại ngôi nhà này.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bị đơn không trình bày gì thêm.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Tòa án, những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị V và anh T;

+ Về quan hệ con chung: Xét thấy giữa chị V và anh T đều có yêu cầu được nhận nuôi con chung, giữa anh chị đều có công việc, thu nhập và có điều kiện về chỗ ở nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Kiều N cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thanh Thanh Q cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì mỗi người nuôi một con chung, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của các bên như nhau nên không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Kiến nghị: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ngô Thị V và anh Lê Thanh T là hợp pháp, có tự nguyện tìm hiểu trước khi kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 28 tháng 12 năm 2004. Trong quá trình Tòa án tiến hành hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh T đều thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tự khắc phục được, hôn nhân không có hạnh phúc và anh chị thuận tình ly hôn.

Xét thấy dù Tòa đã tiến hành hòa giải khuyên các bên đoàn tụ nhưng quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh T không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, hôn nhân không có hạnh phúc nên các bên thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, việc thuận tình ly hôn giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị V và anh T xác định giữa anh chị có hai con chung và các bên đều có yêu cầu được nhận chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Qua làm việc với cháu Q và cháu N thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung chưa thành niên cho cha hoặc cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của

con chung cũng như các điều kiện để đảm bảo cho việc phát triển của con. Mặc dù cả hai bên đều có yêu cầu được nhận nuôi con chung nhưng xét thấy công việc và thu nhập của chị thấp hơn anh T, bản thân chị cũng chưa có điều kiện tạo lập chỗ ở riêng nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung sẽ không đảm bảo. Trong khi đó, bản thân anh T làm nghề lái xe, có mức thu nhập bình quân cao hơn chị V và có điều kiện về chỗ ở (nhà ở đã xây trên đất cha mẹ của anh), có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cũng như quyền lợi mọi mặt cho sự phát triển của con chung chưa thành niên, cần giao cho chị V, anh T mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nhận nuôi cả hai con chung của chị V mà chỉ chấp nhận giao cho chị được nuôi dưỡng một con chung. Theo đó, giao cháu Lê Thị Kiều N, sinh ngày 08/8/2007 cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Lê Thanh Thanh Q, sinh ngày 16/6/2005 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị V, anh T đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về quan hệ nợ chung: Chị V và anh T xác định giữa anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ngô Thị V phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002322 ngày 24/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 264, 266, 267, 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị V, sinh năm 1982 và anh Lê Thanh T, sinh năm 1978, đều có nơi cư trú: xóm Tây A, thôn Trung A, xã Bình T, huyện Bình S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về quan hệ con chung: Xác định giữa chị Ngô Thị V và anh Lê Thanh T có hai con chung, gồm: Lê Thanh Thanh Q, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2005 và Lê

Thị Kiều N, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2007. Việc giao nuôi con chung như sau:

- Giao cháu Lê Thị Kiều N cho chị Ngô Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;
- Giao cháu Lê Thanh Thanh Q cho anh Lê Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

3. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị V, anh T đều trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét.

Người trực tiếp nuôi con sau ly hôn được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi có lý do chính đáng, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì các bên hoặc các cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc người không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự.

4. Về quan hệ tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét

5. Về quan hệ nợ chung: Chị V và anh T xác định giữa anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

6. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ngô Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002322 ngày 24/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình S.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2017).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình S;
- UBND xã Bình T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Kiều Trung

